HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34 /2017/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT

Về thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và danh mục các dự án có thay đổi so với Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND-KTNS ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua danh mục bổ sung của 62 dự án cần thu hồi đất năm 2017 vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, với tổng diện tích 1.064,007 ha.

(chi tiết tại biểu 01 kèm theo)

2. Thông qua danh mục 03 dự án cần thu hồi đất năm 2017, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016, nay có thay đổi về diện tích thu hồi và điều chỉnh lại địa chỉ khu đất cho đúng với thực tế.

(chi tiết tại biểu 02 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

Biểu DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
A	**Các dự án thay đổi so với NQ 17/2016/NQ-HĐND**	**60,860**			**67.058,400**	**-**	**2.554,90**	**64.503,50**		
I	**Thị xã Đồng Xoài**	**56,090**			**64.503,50**	**-**	**-**	**64.503,50**		
1	Khu đô thị mới và công viên trung tâm Đồng Xoài	56,090	LUK, CLN, ODT	P. Tân Bình	64.503,50			64.503,50	Quyết định 917/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh	Thay đổi diện tích so với NQ 17/2016/NQ-HĐND
II	**Huyện Bù Đăng**	**4,770**			**2.554,90**	**-**	**2.554,90**	**-**		
1	Trụ sở công an phòng cháy chữa cháy	1,270	CLN	Xã Đoàn Kết	342,90		342,90			Thay đổi địa chỉ khu đất so với NQ 17/2016/NQ-HĐND
2	Khu dân cư thương mại Bom Bo	3,500	DGD,CLN, ONT	Xã Bom Bo	2.212,00		2.212,00			Thay đổi diện tích so với NQ 17/2016/NQ-HĐND
B	**Các dự án bổ sung**	**1.064,007**			**272.087,550**	**11.875,000**	**32.337,550**	**227.875,000**		
I	**Thị xã Đồng Xoài**	**6,960**			**3.960,00**	**3.375,00**	**585,00**	**-**		
1	Đường quy hoạch số 30 (phần còn lại)	0,570	CLN	P. Tân Bình	855,00	855,00			Quyết định 577/QĐ-UBND ngày 17/3/2010 của UBND tỉnh	
2	Trung tâm hành chính phường Tân Đồng (phần còn lại)	0,340	CLN	P. Tân Đồng	510,00		510,00			
3	Nhà máy xử lý nước thải (phần còn lại)	0,050	CLN	P. Tân Xuân	75,00		75,00			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW....)		
4	Mương thoát nước ngoài hàng rào và nhà máy xử lý nước thải thải tập trung KCN Đồng Xoài I	3,000	CLN	xã Tân Thành	1.260,00	1.260,00			Trong quy hoạch chi tiết KCN Đồng Xoài I	Đang xin ghi vốn từ nguồn vượt thu năm 2016 của tỉnh
5	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào tại KCN Đồng Xoài III	3,000	CLN	Xã Tiến Hưng	1.260,00	1.260,00			Trong quy hoạch chi tiết KCN Đồng Xoài III	Đang xin ghi vốn từ nguồn vượt thu năm 2016 của tỉnh
II	**Thị xã Bình Long**	**3,600**			**1.895,80**	-	**1.895,80**	-		
1	Xây dựng tượng dài, khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ	1,000	CLN	phường Hưng Chiến	450,00		450,00			
2	Mở rộng đường HCT8	0,200	CLN, HNK	phường Hưng Chiến	72,00		72,00			
3	Nạo vét kênh, công thoát nước và xây dựng đường giao thông	1,000	CLN, HNK, LUK	phường Hưng Chiến	360,00		360,00			
4	Nạo vét kênh, công thoát nước và xây dựng đường giao thông	1,000	CLN, HNK, LUK	phường An Lộc	385,00		385,00			
5	Đường Hùng Vương nối dài	0,400	ODT, CLN, HNK, LUK	phường An Lộc	628,80		628,80			
III	**Huyện Đồng Phú**	**35,352**			**107.575,000**	**0,000**	**2.950,000**	**104.625,000**		
1	Đường vào khu B của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	2,500	CLN	TT. Tân Phú	1.125,00			1.125,00		Doanh nghiệp ứng vốn để bồi thường
2	Đồn Công an tại Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	1,022	SKK	TT. Tân Phú	-				Công văn 1448/UBND-KTN ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh	Đất của Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú, không bồi thường

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
3	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài đến cầu bà Mụ	1,000	CLN	TT. Tân Phú	1.500,00		1.500,00			
4	Đường Phú Riềng Đỏ (từ TTHC huyện đi xã Tân Tiến)	0,320	CLN, ONT	TT. Tân Phú, xã Tân Tiến	1.300,00		1.300,00			
5	Dự án BOT mở rộng, nâng cấp đường ĐT 741	18,700	DGT	TT. Tân Phú, xã Tân Tiến, xã Tân Lập	100.000,00			100.000,00	Công văn 739/UBND-KTN ngày 01/42016 của UBND tỉnh	Doanh nghiệp ứng vốn để bồi thường
6	Trường Mầm non ấp Thuận Bình	0,070	CLN	Xã Thuận Lợi	30,00		30,00			
7	Nhà văn hóa ấp 3, 5, 6	0,850	CLN	Xã Đồng Tâm	120,00		120,00			
8	Khu dân cư xã Tân Tiến	10,890	CLN	Xã Tân Tiến	3.500,00			3.500,00		Doanh nghiệp ứng vốn để bồi thường
V	**Huyện Chơn Thành**	**1,041**			**20,75**	-	**20,75**	-		
1	Đường vào khu nhà ở công nhân 38,5ha cũ	0,041	CLN	xã Thành Tâm	20,75		20,75			
2	Đồn Công an tại Khu công nghiệp Minh Hưng III	1,000	SKK	Xã Minh Hưng	-				Công văn 1448/UBND-KTN ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh	Đất của Công ty Cổ phần KCN Bình Long, không bồi thường
VI	**Huyện Phú Riềng**	**6,728**			**4.677,97**	-	**4.677,97**	-		
1	Khu Văn hóa thể dục thể thao xã Long Tân	0,044	CLN	xã Long Tân	330,00		330,00		Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của UBND huyện Bù Gia Mập	
2	Khu dân cư xã Long Tân	0,090	CLN	Xã Long Tân	70,00		70,00			
3	Nhà văn hóa thôn 2	0,160	UBQ	Xã Long Tân	-					Đất công UBND xã quản lý, không bồi thường

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
4	Sân bóng Phú Vinh	0,900	CLN	Xã Phú Riềng	162,00		162,00		Theo Kế hoạch Nông thôn mới xã Phú Riềng	Thu hồi đất Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
5	Khu xử lý nước thải TTTM Phú Riềng	0,100	CLN	Xã Phú Riềng	210,00		210,00		Theo Kế hoạch Nông thôn mới xã Phú Riềng	
6	Khu tái định cư thôn Phú Thành	0,450	CLN	Xã Phú Riềng	-				Theo Kế hoạch Nông thôn mới xã Phú Riềng	Người dân hiến đất
7	Trung tâm hành chính xã Phú Riềng	3,000	CLN	xã Phú Riềng	540,00		540,00			Thu hồi đất Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
8	Trạm biến áp 110 Kv	0,700	CLN	xã Bù Nho	126,00		126,00			
9	Xây dựng đường và hành lang an toàn lưới điện trung thế	0,660	CLN	xã Bù Nho	118,80		118,80			
10	Đất giao thông Khu dân cư Bù Nho	0,084	CLN	xã Bù Nho	420,23		420,23		Quyết định 1022/ QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND huyện Phú Riềng	
11	Trường Mẫu giáo Bù Nho	0,540	CLN	xã Bù Nho	2.700,94		2.700,94			
VII	**Huyện Bù Gia Mập**	**27,727**			**7.318,00**	**-**	**7.318,00**	**-**		
1	Đường liên xã Phú Nghĩa - Phước Minh	2,000	CLN	xã Phú Nghĩa, xã Phước Minh	1.000,00		1.000,00		Quyết định số 847 ngày 05/6/2017 của UBND huyện	
2	Đường N18 - Trung tâm hành chính huyện	0,320	CLN	xã Phú Nghĩa	300,00		300,00		Quyết định số 655 ngày 03/4/2014 của UBND huyện	
3	Đường N4 - Trung tâm hành chính huyện	0,320	CLN	xã Phú Nghĩa	300,00		300,00			
4	Cụm Công nghiệp Phú Nghĩa 4	21,000	CLN	xã Phú Nghĩa	5.000,00		5.000,00			
5	Trường Tiểu học Đa Kia C	0,026	CLN	Xã Đa Kia	12,00		12,00			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
6	Trụ sở UBND xã Bình Thắng	0,032	ODT, CLN	Xã Bình Thắng	500,00		500,00			
7	Trường Mẫu giáo Bình Thắng	0,230	ODT, CLN	Xã Bình Thắng	46,00		46,00			
8	Trường Tiểu học Bình Thắng B	0,800	CLN	Xã Bình Thắng	160,00		160,00			
9	Đồn Biên phòng Đăk Nô	3,000	RDD	Xã Bù Gia Mập	-				BTL Bộ đội Biên phòng đã phê duyệt dự án tại QĐ 2911/QĐ-BTL ngày 24/8/2016. UBND tỉnh đang trình TTCP cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Thu hồi đất của Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, không bồi thường
VIII	**Huyện Lộc Ninh**	**662,478**			**80.146,04**	**-**	**12.146,04**	**68.000,00**		
1	Khu dân cư xã Lộc Thiện	29,988	CLN	xã Lộc Thiện	5.397,82		5.397,82		Công văn 571/UBND-KTN ngày 01/3/2017 của UBND tỉnh	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
2	Khu dân cư TT Lộc Ninh	37,490	CLN	TT Lộc Ninh	6.748,22		6.748,22			
3	Khu công nghiệp trong Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	400,000	RSX	Xã Lộc Tấn	68.000,00			68.000,00	UBND tỉnh đã điều chỉnh quy hoạch tại QĐ số 1130/QĐ-UBND ngày 15/5/2017	Doanh nghiệp ứng vốn để bồi thường
4	Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới	195,000	RSX	huyện Lộc Ninh	-				Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trung ương
IX	**Huyện Hớn Quản**	**115,120**			**66.494,00**	**8.500,00**	**2.744,00**	**55.250,00**		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
1	Đường giao thông nông thôn và cống thoát nước ấp Phố Lố	0,040	CLN, ONT	xã An Phú	250,00		250,00			
2	Khu dân cư trước Nghĩa trang liệt sỹ huyện	8,700	UBQ	xã Tân Khai	-				QĐ số 1643/QĐ ngày 29/5/2017 của UBND huyện	Đất công UBND huyện quản lý
3	Đường vào KCN Tân Khai II	4,700	ONT, CLN	xã Tân Khai	8.500,00	8.500,00			Đã được ghi vốn năm 2017 theo Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh	
4	Khu dân cư cho Việt kiều Campuchia	1,000	UBQ	xã Minh Tâm	-				QĐ số 1668/QĐ ngày 12/4/2017 của UBND huyện	Đất công UBND xã quản lý
5	Mở rộng Trường mầm non Minh Đức	0,150	CLN	xã Minh Đức	100,00		100,00			
6	Nhà văn hóa ấp 4	0,060	UBQ	xã Minh Tâm	-					Đất công do UBND xã quản lý, không bồi thường
7	Nhà văn hoá ấp Phùm Lu	0,200	CLN	xã Thanh An	36,00		36,00		Đã báo cáo BQLKKT tỉnh xin chủ trương TĐ cao su giao về	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Bình Long
8	Nhà văn hoá ấp Trà Thanh	0,200	CLN	xã Thanh An	36,00		36,00		Đã báo cáo BQLKKT tỉnh xin chủ trương TĐ cao su giao về	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Bình Long

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
9	Nhà văn hoá ấp 5	0,500	CLN	xã Tân Quan	90,00		90,00		Đã báo cáo BQLKKT tỉnh xin chủ trương TĐ cao su giao về	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Bình Long
10	Nhà văn hoá ấp 2	0,200	CLN	xã Tân Quan	36,00		36,00		Đã báo cáo BQLKKT tỉnh xin chủ trương TĐ cao su giao về	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Bình Long
11	Nhà văn hoá ấp Long Bình	0,200	CLN	xã Tân Quan	36,00		36,00		Đã báo cáo BQLKKT tỉnh xin chủ trương TĐ cao su giao về	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Bình Long
12	Nghĩa địa ấp Long Bình	5,000	CLN	xã Tân Quan	900,00		900,00		Đã báo cáo BQLKKT tỉnh xin chủ trương TĐ cao su giao về	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Bình Long
13	QH các công trình công cộng và khu dân cư ấp 2	7,000	CLN	Xã Đồng Nơ	1.260,00		1.260,00		QĐ số 1642/QĐ ngày 29/5/2017 của UBND huyện	
14	Nâng cấp đường giao thông vào Nhà máy xi măng Minh Tâm	1,170	CLN	xã Minh Tâm	950,00			950,00	QĐ số 2656/QĐ ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh	Doanh nghiệp ứng vốn để bồi thường
15	Nhà máy xi măng Minh Tâm (các hạng mục bổ sung)	55,200	CLN	xã Minh Tâm	34.500,00			34.500,00	Đã được TT HĐND tỉnh thỏa thuận thông qua tại Công văn số 99/HĐND-KTNS ngày 27/4/2017	Doanh nghiệp ứng vốn để bồi thường

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
16	Bổ sung khu khai thác mỏ đá vôi Thanh Lương (Công ty CP xi măng Hà Tiên 1)	30,600	CLN	Xã An Phú, Xã Minh Tâm	19.800,00			19.800,00	UBND tỉnh đã kết luận, chỉ đạo tại Thông báo số 90/TB-UBND ngày 27/4/2017.	Doanh nghiệp ứng vốn để bồi thường
17	Nhà văn hóa ấp 8	0,200	TSC	Tân Hiệp	-				Điện lực Bình Phước đã thống nhất chủ trương giao về địa phương quản lý	Đất của Điện lực Hớn Quản, không bồi thường
X	**Huyện Bù Đốp**	**205,000**			-					
1	Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới	205,000	RSX, CLN	huyện Bù Đốp	-				Bộ quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trung ương
62	**Tổng**	**1.124,867**			**339.145,950**	**11.875,000**	**34.892,450**	**292.378,500**		

Ghi chú (*):

LUK: Đất trồng lúa khác
HNK: Đất trồng cây hàng năm khác
NTS: Đất nuôi trồng thủy sản
CLN: Đất trồng cây lâu năm
RSX: Đất trồng rừng sản xuất
RDD: Đất rừng đặc dụng
TMD: Đất thương mại dịch vụ
SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông
SKK: Đất khu công nghiệp
ONT: Đất ở tại nông thôn
ODT: Đất ở tại đô thị
TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan
UBQ: Đất do UBND cấp xã quản lý
DGT: Đất giao thông

Biểu 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2016/NQ-HĐND

(Kèm theo Nghị quyết số 34 /2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
I	**Thị xã Đồng Xoài**	**56,090**			**64.503,50**	-	-	**64.503,50**		
1	Khu đô thị mới và công viên trung tâm Đồng Xoài	56,090	LUK, CLN, ODT	P. Tân Bình	64.503,50			64.503,50	Quyết định 917/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh	Thay đổi diện tích so với NQ 17/2016/NQ-HĐND
II	**Huyện Bù Đăng**	**4,770**			**2.554,90**	-	**2.554,90**	-		
1	Trụ sở công an phòng cháy chữa cháy	1,270	CLN	Xã Đoàn Kết	342,90		342,90			Thay đổi địa chỉ khu đất so với NQ 17/2016/NQ-HĐND
2	Khu dân cư thương mại Bom Bo	3,500	DGD,CLN, ONT	Xã Bom Bo	2.212,00		2.212,00			Thay đổi diện tích so với NQ 17/2016/NQ-HĐND
3	**Tổng**	**60,860**			**67.058,40**	-	**2.554,90**	**64.503,50**		

Ghi chú (*):

LUK: Đất trồng lúa khác

CLN: Đất trồng cây lâu năm

DGD: Đất cở sở giáo dục - đào tạo

ODT: Đất ở tại đô thị